A) Fill in the blanks with the words in the box.

zǒng shì	cháng cháng	yì bān	měi tiān
总是	常常	一般	每天

mā ma qù chāo shì mǎi shuǐ guǒ
1) 妈妈_____ (always) 去超市买水果。

jiě jie dōu qī diǎn bàn shàng xué
2) 姐姐_____ (every day) 都七点半上学。

dì di qù gōng yuán wán
3) 弟弟_____ (often) 去公园玩。

wǒ qù biàn lì diàn mǎi táng
4) 我_____ (normally) 去便利店买糖。

LIVEWORKSHEETS

B. Drag the words to the corresponding pictures.

hàn bǎo bāo 汉堡包	xiāngcháng 香肠	hún tún 馄饨
chǎo fàn 炒饭	zòng zǐ 粽子	yì dà lì miàn 意大利面

5.	**6.**	**7.**
8.	**9.**	**10.**

LIVEWORKSHEETS